

Bản số: 52/2021/HNGS-ST

Ngày 27-9-2021

V/v "Tranh chấp

hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân

***Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Lâm Giang

2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 157/2021/TLST-HNGĐ ngày 30/7/2021 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1986 (có mặt)

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Đều ĐKKHKT: Thôn Đồng Lim, xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đều trú tại: Thôn Lý 1, xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn ngày 20/7/2021, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn ngày 02/5/2008, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Lý 1, xã Ngọc Lý. Ban đầu vợ chồng chung sống bình thường. Đến tháng 02/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, do anh L chơi bời không chịu làm ăn, vợ chồng có đánh cãi chửi nhau, gia đình hai bên có khuyên giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng ly thân nhau từ tháng 02/2014 cho đến nay, không còn quan

tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Xuân Bắc, sinh ngày 28/5/2009 và Nguyễn Văn Nhân, sinh ngày 02/7/2011. Hiện con chung đang ở với chị, do chị nuôi dưỡng từ nhỏ, ly hôn chị nhận nuôi dưỡng cả hai con chung và chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hiện chị đang làm Công ty cổ phần may xuất khẩu Hà Bắc thu nhập bình quân khoảng là 8.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc theo ca và nghỉ chủ nhật. Thời gian chị đi làm có bố mẹ chị phụ giúp đưa đón các cháu đi học và chăm sóc các cháu. Chị ở cùng bố mẹ thì bố mẹ có xây dựng cho mấy gian nhà để mẹ con chị ở bên cạnh nhà của bố mẹ chị để bố mẹ chị tiện chăm sóc các cháu giúp chị. Anh L có nghề nghiệp tự do, không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp nên chị không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị X có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung với anh L, tài sản chung: Chị xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với anh Nguyễn Văn L là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc, xét xử của Tòa án anh L đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh L về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, yêu cầu cung cấp bản tự khai và những tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nếu có yêu cầu nhưng anh L không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền L của mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn L vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị X chấp hành đúng các quy định của pháp luật; Bị đơn anh L không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị X nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Xuân Bắc sinh ngày 28/5/2009 và Nguyễn Văn Nhân, sinh ngày 02/7/2011. Vấn đề cấp dưỡng chị Nguyễn Thị X không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị X và anh L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh L có nơi cư trú xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên nên Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[3] *Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Nguyễn Thị X. Hội đồng xét xử thấy:*

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị X và anh L xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị X và anh L có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, do anh L chơi bời không chịu làm ăn, vợ chồng có đánh cãi chửi nhau. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị X xác định hai vợ chồng ly thân nhau từ tháng 02/2014 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh L, thông báo hòa giải anh L cũng không đến để Tòa án hòa giải và không có ý kiến gì để bảo vệ quyền L cho mình.

Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng chị X, anh L xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và lối sống và xác định từ năm 2014 chị X, anh L đã sống ly thân nhau, chị X đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống từ tháng 02/2014 cho đến nay, chị X anh L không còn quan tâm gì đến nhau. Gia đình bên anh L có khuyên giải vợ chồng chị X, anh L về đoàn tụ nhưng không thành. Xét mâu thuẫn giữa chị X, anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị X xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Xuân Bắc sinh ngày 28/5/2009 và Nguyễn Văn Nhân, sinh ngày 02/7/2011. Hiện các con chung đang ở với chị từ nhỏ. Ly hôn chị nhận tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị làm đang làm ở Công ty cổ phần may xuất khẩu Hà Bắc thu nhập bình quân khoảng là 8.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc theo ca và nghỉ chủ nhật. Thời gian chị đi làm có bố mẹ chị phụ giúp đưa đón các con đi học và

chăm sóc các con. Chị ở cùng bố mẹ thì bố mẹ có xây dựng cho chị mấy gian nhà để mẹ con chị ở bên cạnh nhà của bố mẹ để bố mẹ chị tiện chăm sóc các con giúp chị. Chị xác định có đủ điều kiện và thời gian để nuôi và chăm sóc con, tại bản tự khai của cháu Nguyễn Xuân Bắc và cháu Nguyễn Văn Nhân cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, cháu ở với mẹ từ bé đến giờ được học hành và phát triển bình thường. Anh L toàn bộ quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi dưỡng 02 con chung của chị Nguyễn Thị X và giao cháu Bắc, cháu Nhân cho chị X tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Bắc, cháu Nhân. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh L thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị X không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị X xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị X phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị X tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Xuân Bắc sinh ngày 28/5/2009 và Nguyễn Văn Nhân, sinh ngày 02/7/2011. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị X.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh L thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0000374 ngày 30/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị X đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Ngọc Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồigiờ phút, ngày 27 tháng 9 năm 2021.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Tân Yên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lâm Giang

Ông Nguyễn Quốc Sửu

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 157/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021 về Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa:

** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1986 (có mặt)*

** Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1982 (vắng mặt)*

Đều ĐKKHTT: Thôn Đồng Lim, xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đều trú tại: Thôn Lý 1, xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị X tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Xuân Bắc sinh ngày 28/5/2009 và Nguyễn Văn Nhân, sinh ngày 02/7/2011. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị X.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh L thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Án phí:

Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại

biên lai thu số AA/2020/0000374 ngày 30/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị X đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 9 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

